Trợ từ xác định cái gì đứng ngay sau cái đó

は： dùng để xác định chủ ngữ

に：

* xác định thời gian cụ thể diễn ra hành động

７時におきます thức dậy lúc 7h

* xác định đối tượng gặp gỡ

Anさんにあいます (gặp An)

* xác định đối tượng cho nhận

AnさんはTungさんにほんをあげます an tặng sách cho tùng

TungさんはAnさんにほんをもらいます tùng nhận sách từ an

* xác định địa điểm có cái gì đó

つくえのうえにほんがあります

先生はじむしょにいます

* xác định mục đích của sự di chuyển

スーパーへたまごをかいにいきます

* xác định ở đâu có tồn tại cái gì

わたしのにやまがあります。 ở thành phố của tôi có núi

* vào, ra, lên

うちに入ります vào nhà

うちにでます ra khỏi nhà

おんせんに入ります tắm suối nước nóng

やまにのぼりますleo núi

くるまにのります lên xe

くるまをおります xuống xe

で：

* xác định phương tiện của hành động

はしでたべます ăn bằng đũa

ぺんでかきます viết bằng bút

バスでHa Noi へいきます đi đến Hà Nội bằng xe bus

* xác định địa điểm diễn ra hành động

しょくどうでごはんをたべます ăn tại nhà ăn

* xác định ở đâu có sự kiện gì

こんばん、のうちでパーティーがあります Tối nay ở nhà giám đốc có tiệc

* khi hỏi 1 từ 1 câu trong ngôn ngữ cụ thể nào đó sẽ dùng で

「cảm ơn」 はにほんごで「ありがとう」です。Cảm ơn trong tiếng Nhật là ありがとう

へ：

* xác định địa điểm hướng đến của động từ di chuyển

　Ha Noi へいきます đi Hà Nội

を：

* dùng để xác định tân ngữ. Tân ngữ là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của ngoại động từ

ăn trứng, mua kem, đọc sách, …

ほんをよみます đọc sách

* xác định địa điểm rời khỏi

へやをでます ra khỏi nhà

も：”cũng” - đóng vai trò giống như は

私はがくせいです　tôi là học sinh

Anさんも学生です An cũng là học sinh

が：là trợ từ của động từ わかります

あります

います(người, động vật)

Yêu, ghét, giỏi, kém, thích

日本語をわかります hiểu tiếng Nhật

くるまがあります có ô tô

いぬがいっびきいます tôi có 1 con chó

日本語がすきです thích tiếng Nhật

英語がへたです kém tiếng Nhật

すいえいがきらいです ghét bơi

日本語がじょうずです giỏi tiếng Nhật